



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ AIA (VIỆT NAM)

BẢNG MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

AN PHÚC TRỌN ĐỜI ƯU VIỆT - QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A

Giới tính: Nam

Tuổi: 35

II. THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: đồng

Sản phẩm	Người được bảo hiểm	Tuổi tham gia bảo hiểm	Giới tính	Thời hạn đóng phí (năm)	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính và phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm
Sản phẩm chính An Phúc Trọn Đời Ưu Việt - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao	Nguyễn Văn A	35	Nam	^	65	1.000.000.000	20.000.000
Sản phẩm bổ sung (*) ---Không có sản phẩm bổ sung---							
Tổng phí sản phẩm bổ sung							

Phí bảo hiểm theo định kỳ

Năm

Phí dự tính của An Phúc Trọn Đời Ưu Việt - Quyền lợi bảo hiểm cơ bản (^)

20.000.000

+ Phí bảo hiểm cơ bản

20.000.000

+ Phí tích lũy

-

Phí của các sản phẩm bổ sung

14.808.000

Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ

34.808.000

^ Phí dự tính bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản và Phí tích lũy theo định kỳ. Trong 4 năm hợp đồng đầu tiên, Phí bảo hiểm cơ bản đã chọn là mức phí tối thiểu của Hợp đồng bảo hiểm này và phải được đóng đầy đủ.

(\*) Thời hạn đóng phí và thời hạn bảo hiểm của sản phẩm bổ sung sẽ phụ thuộc vào điều khoản về tái tục.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:  
Đại lý bảo hiểm:  
Mã số đại lý:  
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 1 | 7



### **III. THÔNG TIN SẢN PHẨM CHÍNH:**

#### **A. Quyền lợi bảo hiểm**

##### **1. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro**

1.1 Quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm tử vong: Công ty sẽ chi trả tổng Giá trị tài khoản hợp đồng cộng với Số tiền bảo hiểm hiện tại trừ đi quyền lợi bảo hiểm khi mắc bệnh Ung thư đã được chi trả trước đó (nếu có).

1.2 Quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm tử vong do Tai nạn trước khi đạt tuổi 65: Ngoài quyền lợi bảo hiểm khi tử vong, nếu Phí bảo hiểm được đóng đúng hạn, Công ty sẽ chi trả thêm 100% Số tiền bảo hiểm hiện tại nhưng không vượt quá hạn mức tối đa của quyền lợi tử vong do Tai nạn đối với một Người được bảo hiểm. Quyền lợi này sẽ có hiệu lực từ Ngày đến hạn đóng phí của kỳ phí bảo hiểm đã được đóng gần nhất cho đến Ngày đến hạn đóng phí của kỳ phí kế tiếp.

1.3 Quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm tử vong từ 15 tuổi trở lên không hút thuốc lá: Ngoài quyền lợi bảo hiểm khi tử vong, Công ty sẽ chi trả thêm 10% Số tiền bảo hiểm hiện tại.

1.4 Quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm bị Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV) trước khi đạt tuổi 70: Công ty sẽ chi trả tổng Giá trị tài khoản hợp đồng cộng với Số tiền bảo hiểm hiện tại trừ đi quyền lợi bảo hiểm khi mắc bệnh Ung thư đã được chi trả trước đó (nếu có).

1.5 Quyền lợi hỗ trợ tài chính khi Người được bảo hiểm mắc bệnh Ung thư trước khi đạt tuổi 65: Công ty sẽ chi trả 25% Số tiền bảo hiểm hiện tại.

**2. Quyền lợi khi đáo hạn hợp đồng:** Công ty sẽ chi trả cho khách hàng toàn bộ Giá trị tài khoản hợp đồng tính tại thời điểm đáo.

**3. Thưởng duy trì hợp đồng:** Một khoản Thưởng duy trì hợp đồng sẽ được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản vào các Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10, 15 và 20, với điều kiện Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đủ vào mỗi Ngày đến hạn đóng phí trong những năm hợp đồng trước đó. Vui lòng xem Quy tắc và Điều khoản để biết chi tiết về khoản Thưởng duy trì hợp đồng.

**4. Quyền lợi đầu tư:** Bên mua bảo hiểm được hưởng lãi hàng tháng trên Giá trị tài khoản theo mức lãi suất do Công ty công bố định kỳ. Tiền lãi sẽ được cộng dồn vào Giá trị tài khoản.

##### **5. Các quyền lợi khác:**

5.1 Quyền thay đổi Số tiền bảo hiểm:

Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu thay đổi Số tiền bảo hiểm hiện tại vào bất kỳ lúc nào sau khi hợp đồng đã có hiệu lực ít nhất 2 năm và trước khi Người được bảo hiểm đạt tuổi 65.

Từ ngày kỷ niệm hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt tuổi 65, Bên mua bảo hiểm được quyền giảm Số tiền bảo hiểm hiện tại xuống mức thấp nhất tương ứng 5 lần Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm nhằm tối đa hóa kế hoạch tiết kiệm của mình. Việc thay đổi Số tiền bảo hiểm sẽ có hiệu lực vào ngày kỷ niệm tháng sau ngày Công ty chấp thuận yêu cầu bằng văn bản của Bên mua bảo hiểm.

5.2 Quyền đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con):

Sau khi hợp đồng đã có hiệu lực ít nhất 2 năm và trước khi Người được bảo hiểm đạt tuổi 65, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm lên đến 25% Số tiền bảo hiểm hiện tại cho mỗi sự kiện kết hôn hoặc sinh con trong vòng 90 ngày kể từ ngày diễn ra sự kiện này, nhưng không vượt quá 500 triệu đồng/Người được bảo hiểm mà không cần thăm định sức khỏe. Quyền lợi này áp dụng cho hợp đồng được phát hành ở điều kiện chuẩn. Tối đa là 2 sự kiện trong suốt thời hạn hợp đồng.

5.3 Quyền chuyển đổi từ Quyền lợi bảo hiểm cơ bản sang Quyền lợi bảo hiểm nâng cao

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:  
Đại lý bảo hiểm:  
Mã số đại lý:  
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 2 | 7



- Vào bất kỳ ngày kỷ niệm hợp đồng sau khi hợp đồng đã có hiệu lực ít nhất 2 năm, trước khi Người được bảo hiểm đạt tuổi 65 và trong thời gian hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu chuyển đổi từ Quyền lợi bảo hiểm nâng cao sang Quyền lợi bảo hiểm cơ bản với Số tiền bảo hiểm mới bằng hoặc thấp hơn Số tiền bảo hiểm hiện tại.
- Quyền chuyển đổi này được áp dụng 1 lần trong suốt thời hạn hợp đồng. Việc chuyển đổi sẽ có hiệu lực vào ngày kỷ niệm tháng sau ngày Công ty chấp thuận theo yêu cầu bằng văn bản của Bên mua bảo hiểm.

#### 5.4 Quyền rút tiền từ Giá trị tài khoản

Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản hoặc Giá trị tài khoản tích lũy sau khi hợp đồng đã có hiệu lực ít nhất 2 năm.

## B. Các loại chi phí

- 1. Chi phí bảo hiểm rủi ro:** là chi phí dùng để chi trả Quyền lợi bảo hiểm rủi ro. Mức chi phí bảo hiểm rủi ro sẽ căn cứ trên xác suất tử vong và TTTB&VV, phụ thuộc giới tính và tuổi hiện tại của Người được bảo hiểm. Chi phí bảo hiểm rủi ro sẽ được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản.
- 2. Chi phí ban đầu:** là chi phí khấu trừ trước khi phí bảo hiểm được phân bổ vào tài khoản. Mức chi phí này thay đổi theo Năm đóng phí.

Năm đóng phí	1	2	3	4	5+
Phí bảo hiểm cơ bản	90%	80%	30%	20%	1.5%
Phí tích lũy	0%	0%	0%	0%	0%

- 3. Chi phí quản lý hợp đồng:** chi phí dùng để duy trì hợp đồng bảo hiểm và được khấu trừ hàng tháng. Hiện tại, mức chi phí này là 25.000 đồng/tháng (300.000 đồng/năm). Mức chi phí này có thể thay đổi nhưng tối đa là 60.000 đồng/tháng.
- 4. Chi phí quản lý quỹ:** chi phí dùng để quản lý hoạt động của Quỹ liên kết chung. Công ty sẽ khấu trừ tỷ lệ chi phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm.
- 5. Chi phí hủy bỏ hợp đồng:** Không có
- 6. Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản:** Không có
- 7. Tỷ suất đầu tư dự kiến:** Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy vào tài khoản của khách hàng có thể tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu, Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu 5%/năm trong 2 năm hợp đồng đầu tiên, 2 năm hợp đồng tiếp theo là 4.5%; từ năm hợp đồng thứ 5 đến năm hợp đồng thứ 8 lần lượt là 4%; 3.5%; 3%; 2.5% và bằng 2% từ năm hợp đồng thứ 9 trở đi. Công ty thực hiện chính sách đầu tư thận trọng, chủ yếu là đầu tư vào trái phiếu chính phủ để đảm bảo thực hiện được mức lãi suất cam kết tối thiểu này. Quyền lợi đầu tư phụ thuộc vào mức lãi suất, vì thế, có thể tăng hoặc giảm tùy theo hiệu suất đầu tư của Công ty.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:  
Đại lý bảo hiểm:  
Mã số đại lý:  
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau  
Trang 3 | 7



# BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM- AN PHÚC TRỌN ĐỜI ƯU VIỆT

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí dự tính sản phẩm chính	Phí phân bổ sản phẩm chính	Tổng phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	Quyền lợi bảo hiểm								Khoản tiền rút	
					Tại mức lãi suất cam kết			Tại mức lãi suất 6%			Tại mức lãi suất 8%			
					Quyền lợi tử vong /TTB&VV		Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong /TTB&VV		Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong /TTB&VV			Giá trị tài khoản
					Không do tai nạn	Do tai nạn (1)		Không do tai nạn	Do tai nạn (1)		Không do tai nạn	Do tai nạn (1)		
1	35	20.000	2.000		1.000.000	2.000.000	-	1.000.000	2.000.000	-	1.000.000	2.000.000	-	
2	36	20.000	4.000		1.000.060	2.000.060	60	1.000.080	2.000.080	80	1.000.122	2.000.122	122	
3	37	20.000	14.000		1.011.405	2.011.405	11.405	1.011.612	2.011.612	11.612	1.011.904	2.011.904	11.904	
4	38	20.000	16.000		1.025.197	2.025.197	25.197	1.025.800	2.025.800	25.800	1.026.633	2.026.633	26.633	
5	39	20.000	19.700		1.043.097	2.043.097	43.097	1.044.597	2.044.597	44.597	1.046.368	2.046.368	46.368	
6	40	20.000	19.700		1.061.256	2.061.256	61.256	1.064.367	2.064.367	64.367	1.067.527	2.067.527	67.527	
7	41	20.000	19.700		1.079.492	2.079.492	79.492	1.085.157	2.085.157	85.157	1.090.211	2.090.211	90.211	
8	42	20.000	19.700		1.097.588	2.097.588	97.588	1.106.989	2.106.989	106.989	1.114.501	2.114.501	114.501	
9	43	20.000	19.700		1.115.327	2.115.327	115.327	1.129.893	2.129.893	129.893	1.140.495	2.140.495	140.495	
10	44	20.000	19.700		1.156.185	2.156.185	156.185	1.202.502	2.202.502	202.502	1.235.782	2.235.782	235.782	
11	45	20.000	19.700		1.174.491	2.174.491	174.491	1.230.518	2.230.518	230.518	1.270.852	2.270.852	270.852	
12	46	20.000	19.700		1.192.828	2.192.828	192.828	1.259.874	2.259.874	259.874	1.308.384	2.308.384	308.384	
13	47	20.000	19.700		1.210.987	2.210.987	210.987	1.290.434	2.290.434	290.434	1.348.355	2.348.355	348.355	
14	48	20.000	19.700		1.228.963	2.228.963	228.963	1.322.270	2.322.270	322.270	1.390.961	2.390.961	390.961	
15	49	20.000	19.700		1.249.111	2.249.111	249.111	1.360.375	2.360.375	360.375	1.443.218	2.443.218	443.218	
16	50	20.000	19.700		1.266.374	2.266.374	266.374	1.394.901	2.394.901	394.901	1.491.891	2.491.891	491.891	
17	51	20.000	19.700		1.283.213	2.283.213	283.213	1.430.713	2.430.713	430.713	1.543.664	2.543.664	543.664	
18	52	20.000	19.700		1.299.157	2.299.157	299.157	1.467.415	2.467.415	467.415	1.598.308	2.598.308	598.308	
19	53	20.000	19.700		1.314.358	2.314.358	314.358	1.505.236	2.505.236	505.236	1.656.228	2.656.228	656.228	
20	54	20.000	19.700		1.331.129	2.331.129	331.129	1.549.127	2.549.127	549.127	1.724.461	2.724.461	724.461	
25	59	20.000	19.700		1.385.435	2.385.435	385.435	1.759.418	2.759.418	759.418	2.091.639	3.091.639	1.091.639	
30	64	20.000	19.700		1.407.444	2.407.444	407.444	1.999.123	2.999.123	999.123	2.587.420	3.587.420	1.587.420	
35	69	20.000	19.700		1.366.728	1.366.728	366.728	2.248.121	2.248.121	1.248.121	3.240.484	3.240.484	2.240.484	
40	74	20.000	19.700		1.256.257	1.256.257	256.257	2.509.265	2.509.265	1.509.265	4.124.468	4.124.468	3.124.468	
45	79	20.000	19.700		(*)	(*)	(*)	2.708.813	2.708.813	1.708.813	5.266.538	5.266.538	8.266.538	
50	84	20.000	19.700					2.739.389	2.739.389	1.739.389	6.696.681	6.696.681	5.696.681	
55	89	20.000	19.700					2.206.705	2.206.705	1.206.705	8.200.134	8.200.134	7.200.134	

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:  
Đại lý bảo hiểm:  
Mã số đại lý:  
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau



# BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM- AN PHÚC TRỌN ĐỜI ƯU VIỆT

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NĐBH	Phí dự tính sản phẩm chính	Phí phân bổ sản phẩm chính	Tổng phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	Quyền lợi bảo hiểm						Khoản tiền rút			
					Tại mức lãi suất cam kết			Tại mức lãi suất 6%		Tại mức lãi suất 8%				
					Quyền lợi tử vong /TTTB&VV		Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong /TTTB&VV		Giá trị tài khoản		Quyền lợi tử vong /TTTB&VV		Giá trị tài khoản
					Không do tai nạn	Do tai nạn (1)		Không do tai nạn	Do tai nạn (1)			Không do tai nạn	Do tai nạn (1)	
59	93	20.000	19.700				(*)	(*)	(*)	8.957.585	8.957.585	7.957.585		
60	94	20.000	19.700							9.032.435	9.032.435	8.032.435		
65	99	20.000	19.700							8.290.464	8.290.464	7.290.464		

## Lưu ý:

- Trong mọi trường hợp, khách hàng chỉ nhận được một trong hai quyền lợi tử vong: Không do tai nạn hoặc do tai nạn. Quyền lợi tử vong do Tai nạn chỉ được chi trả khi Người được bảo hiểm tử vong do Tai nạn trong khoảng thời gian có kỳ Phí bảo hiểm cơ bản đến hạn đã được đóng đầy đủ và đúng hạn.
- Sản phẩm bổ sung nhằm gia tăng các quyền lợi bảo vệ. Phí của sản phẩm bổ sung sẽ không ảnh hưởng đến việc tính toán Giá trị tài khoản.
- Số tiền rút thể hiện tại cột “Khoản tiền rút” là số tiền khách hàng dự định rút từ Giá trị tài khoản.
- Giá trị tài khoản được thể hiện trong bảng là tổng Giá trị tài khoản tích lũy, Giá trị tài khoản cơ bản và Khoản thưởng duy trì hợp đồng vào cuối năm hợp đồng thứ 10, 15 và 20 như sau:

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tại mức lãi suất cam kết	Tại mức lãi suất 6%	Tại mức lãi suất 8%
10	23.077	48.651	67.537
15	2.308	4.865	6.754
20	2.308	4.865	6.754

- Nhằm đảm bảo các quyền lợi của Hợp đồng bảo hiểm, Phí bảo hiểm cơ bản cần phải được đóng đầy đủ trong suốt thời hạn hợp đồng.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:  
Đại lý bảo hiểm:  
Mã số đại lý:  
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 5 | 7



## CÁC CHI PHÍ MINH HỌA TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT

(Đơn vị: ngàn đồng)

Năm HD	Chi phí bảo hiểm rủi ro	Các chi phí khác (*)
1	2.670	18.300
2	2.770	16.300
3	2.910	6.300
4	3.060	4.300
5	3.220	600
6	3.370	600
7	3.530	600
8	3.730	600
9	3.960	600
10	4.270	600
11	4.560	600
12	4.890	600
13	5.430	600
14	5.970	600
15	6.460	600
16	7.430	600
17	8.190	600
18	9.410	600
19	10.460	600
20	11.490	600
21	13.260	600
22	14.430	600
23	16.050	600
24	17.380	600
25	18.170	600

Năm HD	Chi phí bảo hiểm rủi ro	Các chi phí khác (*)
26	19.810	600
27	21.030	600
28	22.450	600
29	24.870	600
30	27.320	600
31	30.860	600
32	34.210	600
33	35.230	600
34	36.270	600
35	40.770	600
36	44.170	600
37	42.750	600
38	46.260	600
39	50.840	600
40	55.780	600
41	61.180	600
42	67.120	600
43	73.650	600
44	80.640	600
45	(**)	(**)

Năm HD	Chi phí bảo hiểm rủi ro	Các chi phí khác (*)

(\*) Bao gồm chi phí ban đầu và chi phí quản lý hợp đồng

(\*\*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực vì giá trị tài khoản nhỏ hơn 0 hoặc số tiền rút ra vượt quá 80% giá trị tài khoản hoặc số tiền bảo hiểm sau khi rút tiền nhỏ hơn 100,000,000 (tại mức lãi suất cam kết)

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:  
Đại lý bảo hiểm:  
Mã số đại lý:  
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau  
**Trang 6 | 7**



## XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Bằng việc ký tên vào Bảng minh họa này, tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm An Phúc Trọn Đời Ưu Việt - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

- Bảng minh họa này được thiết kế dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn. Chi phí bảo hiểm thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty và có thể làm thay đổi Giá trị tài khoản của Hợp đồng bảo hiểm;
- Tùy theo kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy vào tài khoản của khách hàng có thể tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu, Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu 5%/năm trong 2 năm hợp đồng đầu tiên, 2 năm hợp đồng tiếp theo là 4.5%; từ năm hợp đồng thứ 5 đến năm hợp đồng thứ 8 lần lượt là 4%; 3.5%; 3%; 2.5% và bằng 2% từ năm hợp đồng thứ 9 trở đi. Công ty thực hiện chính sách đầu tư thận trọng, chủ yếu là đầu tư vào trái phiếu chính phủ để đảm bảo thực hiện được mức lãi suất cam kết tối thiểu này. Quyền lợi đầu tư phụ thuộc vào mức lãi suất, vì thế có thể tăng hoặc giảm tùy theo hiệu suất đầu tư của Công ty.
- Khi hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực do không đóng đủ phí bảo hiểm tối thiểu theo yêu cầu trong 4 năm đầu tiên, không có quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả;
- Phí của (các) sản phẩm bổ sung được minh họa trên đây có thể thay đổi tùy theo từng sản phẩm và độ tuổi bảo hiểm; và
- Bảng minh họa này là một phần không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm và chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang. Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm và phụ thuộc theo việc đóng phí bảo hiểm cũng như việc kê khai đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến Người được bảo hiểm.

\_\_\_\_\_  
Bên mua bảo hiểm

\_\_\_\_\_  
Ký tên

\_\_\_\_\_  
Ngày/tháng/năm

Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty ký tên dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm An Phúc Trọn Đời Ưu Việt - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao và nội dung Bảng minh họa này.

\_\_\_\_\_  
Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

\_\_\_\_\_  
Ký tên

\_\_\_\_\_  
Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:  
Đại lý bảo hiểm:  
Mã số đại lý:  
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau  
Trang 7 | 7